

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:154/2021/DS-PT
Ngày 23 – 11 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Út

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:127/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”

Do bản án dân sự sơ thẩm số:65/2021/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:140/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Hồng T1, sinh năm 1972

Địa chỉ: khóm 11, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Trí T2, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1975.

2. Chị Lâm Hồng L, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Khóm 11, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh C . (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khóm 10, thị t, huyện T, tỉnh C . (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn V, bà Lâm Hồng L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của chị Lê Hồng T1 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện hợp pháp của chị T1 trình bày: Vào ngày 26/8/2019 âm lịch, chị với anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L thống nhất ký kết hợp đồng hợp tác nuôi tôm, theo đó chị bỏ vào 700.000.000 đồng với hình thức ăn chia và thu hồi vốn, phần việc còn lại như ao đầm, vật tư thiết bị phục vụ cho việc nuôi tôm phía anh V và chị L chịu trách nhiệm. Mỗi vụ thu hoạch có lời sẽ hoàn vốn 50.000.000 đồng/ao, đôi bên hợp tác làm hai ao, lời chia đôi và lỗ cũng chia đôi, thời gian hợp đồng là 5 năm và cam kết nếu ai vi phạm hợp đồng sẽ bồi thường gấp đôi, hợp đồng được lập thành văn bản có ông Nguyễn Văn Út chứng kiến xác nhận. Sau khi hợp đồng được ký kết thì chị giao cho con rể là Nguyễn Văn P thay mặt chị cùng với anh V và chị L thực hiện việc nuôi tôm. Vụ thứ nhất bị lỗ không thu hồi vốn được, vụ thứ hai thu hồi vốn được 100.000.000 đồng và phần lãi chia đôi sau khi trừ xong các khoản chi phí. Đến vụ thứ ba khi nuôi tôm được khoảng 45 ngày tuổi thì anh V và chị L vô cớ xua đuổi con rể chị không cho làm tiếp tục và yêu cầu chị trực tiếp làm với anh V và chị L nếu không thì chấm dứt hợp đồng. Do không thương lượng được nên xảy ra tranh chấp, nay chị yêu cầu anh V và chị L hoàn trả cho chị phần vốn hợp tác còn lại 600.000.000 đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 1.400.000.000 đồng.

Ý kiến của anh Hoàng Văn V, chị Lâm Hồng L và người đại diện hợp pháp của anh V và chị L trình bày: Anh V và chị L thừa nhận có lập hợp đồng hợp tác với chị Lê Hồng T1 để nuôi tôm công nghiệp, anh V và chị L có ao đầm còn chị T1 thì đầu tư số tiền 700.000.000 đồng để cải tạo và mua thức ăn để nuôi tôm, hình thức ăn chia và thu hồi vốn, thời hạn 5 năm tính từ khi giao kết hợp đồng ngày 26/8/2019 âm lịch. Bản thân chị T1 không trực tiếp mà giao cho con rể là Nguyễn Văn P thực hiện cùng với anh V và chị L. Vụ thứ nhất thua lỗ nhưng đến vụ thứ hai có lãi và chị T1 đã thu hồi vốn được 100.000.000 đồng, phần lợi nhuận còn lại được chia đều nhau sau khi trừ xong các khoản chi phí. Khi vụ thứ ba làm được khoảng 45 ngày tuổi thì phía anh P không chịu hợp tác, tự do muốn đi đâu và làm gì tùy theo ý thích của mình, trường hợp không có mặt cũng không thông báo nên anh V, chị L không đồng ý và yêu cầu chị T1 đến để thương lượng giải quyết nhưng chị T1 không đến và xảy ra tranh chấp. Khi giải quyết tại địa phương chị T1 xin chấm dứt hợp đồng trong khi đó anh V và chị L vẫn có thiện chí để tiếp tục thực hiện hợp đồng, nay chị T1 yêu cầu trả phần vốn hợp tác còn lại 600.000.000 đồng và yêu cầu bồi thường số tiền 1.400.000.000 đồng phía anh V và chị L không đồng ý vì vụ thứ ba thực tế vẫn thua lỗ và sau khi đối trừ các khoản thì anh V và chị L chấp nhận trả cho chị T1 số tiền 300.000.000 đồng.

Ý kiến của anh Nguyễn Văn P: Anh thống nhất theo ý kiến trình bày của chị Lê Hồng T1, anh là người thay mặt chị T1 để cùng với anh V và chị L nuôi tôm theo hợp đồng hợp tác giữa hai bên, anh không có quyền lợi gì nên không đặt ra yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ sơ thẩm số: 65/2021/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hồng T1 đối với anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L về việc buộc hoàn trả phần vốn hợp tác còn lại và bồi thường thiệt hại.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác ngày 26/8/2019 âm lịch giữa chị Lê Hồng T1 với anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L. Buộc anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L trả cho chị Lê Hồng T1 600.000.000 đồng.

Kể từ khi chị Lê Hồng T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Hồng T1 đòi bồi thường thiệt hại 1.400.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/4/2021, anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại các nội dung sau đây:

Đối trừ các khoản tại vụ tôm thứ ba nuôi được 45 ngày thì tranh chấp, đến ngày thứ 50 tôm bị bệnh và phải bán 157 con/kg, lỗ 195.277.000 đồng, chia đôi mỗi người lỗ 97.638.500 đồng. Thứ hai là hao mòn thiết bị, dụng cụ nuôi tôm là 50% là 243.311.500 đồng nên mỗi người phải chịu là 121.655.750 đồng; Thứ 3 là tiền điện vụ trước chuyển sang là 32.378.267 đồng, tiền thuê bơm nước của ông Trần Văn Tuynh 08 tháng bằng 8 triệu đồng. Trừ hết các khoản chi phí, anh chị đồng ý trả lại cho chị T1 số tiền 340.327.483 đồng.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Người đại diện của bị đơn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bị đơn đồng ý thanh toán lại cho chị T1 số tiền 340.327.483 đồng.

Người đại diện của nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi từ khi hai bên kết thúc hợp đồng đến nay với số tiền là 189.240.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn V và chị Lâm

Hồng L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Hồng T1 và anh Hoàng Văn V, chị Lâm Hồng L có ký hợp đồng hợp tác để nuôi tôm công nghiệp và có lập hợp đồng theo đó các bên cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện việc nuôi tôm, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm khi lỗ là thực tế. Sau khi ký hợp đồng, các bên đã thực hiện việc nuôi tôm được hai vụ, đến vụ thứ ba thì phát sinh tranh chấp. Án sơ thẩm buộc anh V chị L trả lại cho chị T1 số tiền hùn vốn còn lại là 600.000.000 đồng, anh V chị L không đồng ý nên kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của anh V, chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng hợp tác giữa chị T1 và anh V, chị L xác lập ngày 26/8/2019 al với nội dung chị T1 bỏ vào số tiền 700.000.000 đồng, khi nuôi mỗi vụ có lãi sẽ thu hồi vốn mỗi hằm tôm là 50.000.000 đồng, lãi chia đôi và lỗ cũng chia đôi, hợp đồng thực hiện trong 5 năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T1 bỏ vốn, phía anh V chị L chịu trách nhiệm về ao đầm, khi thực hiện nuôi tôm vụ thứ nhất lỗ, vụ thứ hai lời và đã thu hồi vốn được 100.000.000 đồng. Các bên đang nuôi vụ thứ 3 được 45 ngày thì xảy ra tranh chấp.

[3] Các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ thể hiện, Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 26/8/2019 al có thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên, đồng thời có bồi hoàn thiệt hại khi ai sai hợp đồng. Xét thấy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do mỗi bên có cách nói khác nhau dẫn đến mâu thuẫn không thể tiếp tục nuôi tôm. Tuy nhiên các đương sự trình bày bằng lời nói, không có chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ xác định lỗi của bên nào nhưng tại biên bản hòa giải tại địa phương thể hiện ý chí của chị T1 và anh V chị L đều thống nhất trả lại cho chị T1 số tiền 600.000.000 đồng nhưng các bên không thống nhất về thời gian trả tiền nên phát sinh tranh chấp. Xét thấy đây là ý chí của các đương sự về việc kết thúc hợp đồng và thanh toán lại số tiền chị T1 đã bỏ vào để nuôi tôm, do đó án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không thống nhất và yêu cầu đối trừ các khoản anh chị đã bỏ ra, cụ thể:

[4.1] Đối trừ tại vụ tôm thứ ba nuôi được 45 ngày thì phát sinh tranh chấp, tôm đến ngày thứ 50 đã bị bệnh và bán 157 con/kg, lỗ số tiền 195.277.000 đồng nên chia đôi mỗi người lỗ số tiền 97.638.500 đồng. Tuy nhiên khi các đương sự phát sinh tranh chấp thì tôm 45 ngày và anh P đã không còn ở hằm tôm mà do gia đình anh V, chị L tự nuôi tôm đến khi bán tôm. Tại phiên tòa, người đại diện của anh V cũng thừa nhận khi bắt tôm không có mặt chị T1 hay đại diện của gia đình chị T1 đến chứng kiến việc mua bán. Do đó vụ tôm thứ ba anh V nuôi và tự bắt tôm nên có lãi hay lỗ thì anh V cũng tự gánh chịu, việc anh V yêu cầu chị T1 chia đôi số tiền lỗ là không có căn cứ.

[4.2] Đối với việc hao mòn thiết bị, dụng cụ nuôi tôm là 50% với số tiền là 243.311.500 đồng và yêu cầu Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để giám định khấu hao trang thiết bị nuôi tôm. Thấy rằng tại Hợp đồng hợp tác ngày 26/8/2019 không thể hiện có việc trừ khấu hao khi các bên kết thúc hợp đồng, đại diện bị đơn xác định có thỏa thuận bằng lời nói về việc trừ khấu hao của trang thiết bị nhưng đại diện nguyên đơn không thừa nhận. Bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc thỏa thuận trừ khấu hao trang thiết bị nên việc bị đơn yêu cầu đối trừ mỗi người phải chịu số tiền là 121.655.750 đồng là không có căn cứ nên không cần thiết phải ngừng phiên tòa để tiến hành định giá tài sản theo yêu cầu của đại diện bị đơn.

[4.3] Số tiền điện vụ trước chuyển sang là 32.378.267 đồng và bị đơn cung cấp phiếu thu tiền điện tháng 4 đến tháng 5 năm 2020, theo xác nhận của đại diện bị đơn thì ngày 04/6/2020 bắt vụ tôm thứ 3 và lúc này tôm được 50 ngày, như vậy tiền điện từ tháng 4 đến tháng 5 là khoản thời gian nuôi tôm vụ thứ 3, không phải tiền điện từ vụ tôm thứ hai chuyển sang như bị đơn yêu cầu.

[4.4] Đối với tiền thuê đường nước của ông Trần Văn Tuynh 08 tháng bằng 8.000.000 đồng, bị đơn cung cấp cho tòa án “hợp đồng thuê vuông tôm” của ông Trần Văn Tuynh nhưng hợp đồng này được ký vào ngày 01/12/2018 tức là đã thuê trước khi hợp đồng hợp tác giữa anh V và chị T1. Do đó, có đủ cơ sở để xác định hợp đồng thuê đường nước của ông Tuynh không liên quan đến hợp đồng hợp tác giữa anh V và chị T1, nếu có việc thuê đường nước của ông Tuynh để phục vụ cho việc nuôi tôm công nghiệp thì đó cũng là trách nhiệm của anh V trong việc đảm bảo ao đầm khi nuôi tôm. Anh V chị L yêu cầu đối trừ lại số tiền phải trả cho chị T1 là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi từ khi hai bên kết thúc hợp đồng đến nay với số tiền là 189.240.000 đồng, thấy rằng: sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không có kháng cáo nên việc nguyên đơn đặt ra các yêu cầu bất lợi cho phía bị đơn thì không được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ để chứng minh cho các khoản bị đơn yêu cầu đối trừ nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn mỗi người phải chịu số tiền 300.000 đồng, ngày 28/4/2021, anh V, chị L có nộp tạm ứng án phí mỗi người 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số:65/2021/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hồng T1.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác ngày 26/8/2019 âm lịch giữa chị Lê Hồng T1 với anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L.

Buộc anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L có nghĩa vụ trả cho chị Lê Hồng T1 số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

Kể từ khi chị Lê Hồng T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Hồng T1 đòi bồi thường thiệt hại số tiền 1.400.000.000 đồng(Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Hoàng Văn V và chị Lâm Hồng L phải chịu số tiền 28.000.000 đồng (chưa nộp); chị Lê Hồng T1 phải chịu số tiền 54.000.000 đồng. Chị T1 đã nộp tạm ứng án phí 36.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004181 ngày 21/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí, phần còn thiếu chị T1 phải tiếp tục nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: anh Hoàng Văn V, chị Lâm Hồng L mỗi người phải chịu số tiền 300.000 đồng, ngày 28/4/2021, anh V chị L mỗi người có dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0004918, 0004919 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào